

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2021/DS-ST

Ngày: 06-7-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Hồ Quang Hiền

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thị Hương – Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:
Ông Tống Mạnh Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 06/7/2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 200/2020/TLST-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2020, về việc “Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị O (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 115 Đội 6, thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H (vắng mặt), bà Phạm Thị Phương L (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện K, Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 4/11/2020 và các lời khai tại Tòa án, Nguyên đơn bà Trần Thị O trình bày:

Ngày 10/12/2015, bà Trần Thị O cho ông Trần Văn H, bà Phạm Thị Phương L vay số tiền 40.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền thỏa thuận ông H, bà L có vay của bà O 40.000.000 đồng, thời hạn thanh toán ngày 10/5/2016, lãi suất hai bên thỏa thuận 2%/tháng, giấy vay tiền do bà L tự viết và ký dưới mục bên vay. Việc giao nhận tiền tại nhà bà O, số nhà 115 Đội 6, thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bà O là người giao tiền, bà L là người nhận tiền, khi giao nhận tiền chỉ có bà O

và bà L, ngoài ra không còn ai khác. Bà L vay để làm kinh tế chung của gia đình, cụ thể bà L nuôi cá. Từ khi vay cho đến nay ông H, bà L chưa thanh toán cho bà O được khoản nào. Đây là tiền làm ăn riêng của bà O không liên quan đến chồng bà O là ông Dương Xuân T, do giấy vay tiền đánh máy sẵn người ta hay gọi tên cả vợ và chồng nên có tên của chồng bà O nhưng thực tế tiền cho vay của riêng bà O không liên quan đến ông T. Đến thời hạn thanh toán bà O đã đến nhắc nợ nhiều lần nhưng ông H, bà L không thanh toán cho bà O. Vì vậy, bà O yêu cầu ông H, bà L thanh toán số tiền gốc là 40.000.000 đồng, về tiền lãi bà O xin rút phần lãi suất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Phương L thanh toán số tiền gốc là 40.000.000 đồng và rút phần lãi suất không yêu cầu bà L thanh toán tiền lãi suất, đồng thời bà O rút yêu cầu không yêu cầu ông Trần Văn H phải liên đới cùng với bà L thanh toán tiền cho bà O, với lý do bà L đi vay tiền một mình không có ông H.

Tại biên bản lấy lời khai ông Trần Văn H, bà Phạm Thị Phương L trình bày:

Bà L thừa nhận có vay tiền của bà O nhiều lần nhưng đã thanh toán đầy đủ tiền gốc cho bà O, về tiền lãi do làm ăn thua lỗ nên chưa thanh toán được cho bà O. Giấy vay tiền bà O làm căn cứ khởi kiện ông H, bà L là tiền lãi chứ không phải tiền gốc, do khi trả xong tiền gốc ông H, bà L không hủy bỏ giấy vay tiền nên bà O lấy giấy vay ngày 10/12/2015 để khởi kiện ông H, bà L. Trước yêu cầu khởi kiện của bà O, bà L không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà O.

Sau khi lấy lời khai xong ông H cho rằng không liên quan đến vụ án nên không ký vào biên bản lấy lời khai.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khâu thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị Phương L phải thanh toán cho bà Trần Thị O số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà O về yêu cầu tính lãi suất. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà O về yêu cầu ông Trần Văn H liên đới cùng với bà L thanh toán số tiền gốc 40.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn bà Phạm Thị Phương L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Dân sự tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; Bị đơn ông Trần Văn H, bà Phạm Thị Phương L có địa chỉ tại thôn B, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn H, bà Phạm Thị Phương L vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H, bà L vẫn không có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bà O rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông Trần Văn H liên đới cùng với bà L trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nguyên đơn rút yêu cầu là tự nguyện. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu của bà O đối với yêu cầu ông Trần Văn H liên đới cùng với bà L trả nợ.

[2]. Về nội dung vụ án: Ngày 10/12/2015, bà O cho bà L vay số tiền 40.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền thỏa thuận bà L có vay của bà O 40.000.000 đồng, thời hạn thanh toán ngày 10/5/2016, lãi suất hai bên thỏa thuận 2%/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà L thừa nhận có vay tiền của bà O làm nhiều lần. Bà L thừa nhận chữ ký và chữ viết “Phạm Thị Phương L” trong giấy vay ngày 10/12/2015 là của bà L. Bà L cho rằng đã thanh toán đầy đủ tiền gốc cho bà O nhưng do tin tưởng bà O nên khi trả tiền các bên không hủy giấy gốc đã vay nên bà O lấy giấy vay ngày 10/12/2015 để khởi kiện bà L. Về tiền lãi do làm ăn gặp khó khăn nên bà L chưa thanh toán được cho bà O. Tuy nhiên, bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà L đã thanh toán đầy đủ tiền gốc cho bà O.

Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà Trần Thị O với bà Phạm Thị Phương L được giao kết hợp pháp, phát sinh hiệu lực và các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Đến thời hạn nhưng bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà O khởi kiện yêu cầu bà L phải thanh toán cho bà O số tiền gốc 40.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2020 bà O yêu cầu ông H, bà L phải thanh toán số nợ gốc là 40.000.000 và tiền lãi suất. Ngày 05/4/2021 bà O rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà O về yêu cầu tính lãi suất.

[6]. Về án phí : Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà Phạm Thị Phương L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Nguyên đơn bà Trần Thị O.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274, 275, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Phạm Thị Phương L phải thanh toán cho bà Trần Thị O số tiền gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất do nguyên đơn tự nguyện rút, nguyên đơn được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông Trần Văn H liên đới cùng với bà Phạm Thị Phương L thanh toán số tiền gốc 40.000.000 đồng của bà Trần Thị O.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị Phương L phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Trần Thị O số tiền 2.180.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003997, ngày 26/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

“ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Nhi